



DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA XVIII - KHOA TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO

KỲ THI: CUỐI KỲ - HỌC KỲ 1; MÔN : KHÁI LUẬN PHẬT HỌC

MÃ MÔN: PHIL112; MÃ LỚP: 518.DC.PHIL112.1.1

GIẢNG VIÊN : TT.TS. THÍCH VIÊN TRÍ

THỜI GIAN THI: 09H00 - 10H30; THỨ NĂM NGÀY 18/01/2024 ; PHÒNG 001 - TÒA HỌC ĐƯỜNG

B

STT	MSSV	Họ tên	Pháp danh	Ký tên	Điểm	Ghi chú
1	2350000217	Võ Thị Đông Phương	TN. Liên Hằng			
2	2350000218	Nguyễn Thị Hồng Phương	TN. Khánh Thảo			
3	2350000219	Trần Thị Bích Phương	TN. Lâm Huyền Văn			
4	2350000220	Nguyễn Thị Quang	TN. Viên Thông			
5	2350000222	Trần Nguyễn Như Quỳnh	TN. An Bình			
6	2350000223	Võ Thị Thuý Sương	TN. Tuệ Châu			
7	2350000224	Phan Thị Minh Tâm	TN. Nguyên Tánh			
8	2350000225	Trần Thị Tào	TN. Giác Khiêm			
9	2350000226	Lâm Hồng Thắm	TN. Liên Thiện			
10	2350000227	Phạm Thị Thanh Thanh	TN. Đồng Hiếu			
11	2350000228	Triệu Võ Băng Thanh	TN. Đức Hiếu			
12	2350000230	Nguyễn Thu Thảo	TN. Lâm Huyền Tú			
13	2350000231	Nguyễn Thị Phương Thảo	TN. Nguyên Thịnh			
14	2350000232	Đinh Thị Thảo	TN. Quảng Thuận			
15	2350000233	Huỳnh Thanh Thảo	TN. Lộc Liên			
16	2350000234	Võ Thị Bích Thảo	TN. Nguyên Tiến			
17	2350000235	Nguyễn Thị Bích Thảo	TN. Liên Thuận			
18	2350000237	Nguyễn Võ Kim Thoa	TN. Liên An			
19	2350000238	Dương Thị Kim Thoa	TN. Lâm Huyền Phụng			
20	2350000239	Trần Thị Mỹ Thơm	TN. Nhuận Thông			
21	2350000240	Nguyễn Thị Thu	TN. Vạn Thảo			

STT	MSSV	Họ tên	Pháp danh	Ký tên	Điểm	Ghi chú
22	2350000241	Phan Thị Thương	TN. Huyền Như			
23	2350000242	Nguyễn Thị Hồng Thương	TN. Nhuận Phước			
24	2350000243	Nguyễn Thị Thương	TN. Liên Mẫn			
25	2350000244	Phùng Như Thủy	TN. Nhuận Nguyên			
26	2350000245	Lê Thị Thúy	TN. Diệu Thuận			
27	2350000246	Nguyễn Thị Thủy	TN. Linh Như			
28	2350000247	Nguyễn Thị Thủy	TN. Đức Hạnh			
29	2350000248	Nguyễn Thị Hà Tiên	TN. Liên Hiếu			
30	2350000250	Ngô Thị Mỹ Tỏ	TN. Nhuận Hiếu			
31	2350000251	Mai Quế Trâm	TN. Chiêu Viên			
32	2350000252	Lê Ngọc Trâm	TN. Diệu Trí			
33	2350000253	Nguyễn Thị Huyền Trân	TN. Liên Nhã			
34	2350000254	Lê Thị Thùy Trang	TN. Chúc Trí			
35	2350000255	Nguyễn Thị Kiều Trang	TN. Nguyên Nhân			
36	2350000256	Đặng Thị Thủy Trang	TN. Minh Thanh			
37	2350000257	Trần Thị Trang	TN. Tuệ Hòa			
38	2350000258	Nguyễn Thị Thủy Trang	TN. Nguyên Tâm			
39	2350000259	Nguyễn Thị Linh Trang	TN. Phước Minh			
40	2350000260	Huỳnh Thanh Trúc	TN. Viên Lộc			
41	2350000261	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	TN. Liên Nguyên			
42	2350000262	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	TN. Diệu Thuận			
43	2350000263	Hoàng Mỹ Ánh Tuyết	TN. Minh Liên			
44	2350000266	Nguyễn Thị Lệ Uyên	TN. Lệ Tuệ			
45	2350000267	Đoàn Thị Tố Uyên	TN. Bảo Châu			
46	2350000268	Võ Thị Thùy Vân	TN. Liên Thanh			
47	2350000269	Nguyễn Thị Thúy Vân	TN. Giới Trí			
48	2350000270	Trần Thị Tường Vân	TN. Thông Phổ			
49	2350000271	Ma Thị Vần	TN. Huệ An			
50	2350000272	Nguyễn Thị Thảo Vi	TN. Vạn Kiên			
51	2350000273	Bùi Thị Tường Vi	TN. Chúc Hoàng			
52	2350000274	Lê Thị Vui	TN. Hiền Hậu			

STT	MSSV	Họ tên	Pháp danh	Ký tên	Điểm	Ghi chú
53	2350000275	Phan Thị Diễm Xương	TN. Nhuận Hoà			
54	2350000276	Nguyễn Thị Như Ý	TN. Quảng Định			
55	2350000277	Đào Thị Yên	TN. Thiên Giác			
56	2350000278	Nguyễn Thị Hồng Yến	TN. Thọ Phước			

TỔNG BÀI THI:

GIÁM THỊ **GIÁM THỊ**
1 **2**
(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ
(Ký, họ tên)

GIẢNG VIÊN